

Số: /BC-ĐGS

Tuần Giáo, ngày tháng 11 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả giám sát chuyên đề “Thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ” từ tháng 7 năm 2021 đến tháng 12 năm 2022

Thực hiện Nghị quyết số 27/NQ-HĐND, ngày 22/7/2022 của HĐND huyện về chương trình giám sát năm 2023 của HĐND huyện Tuần Giáo; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND, ngày 20/07/2023 của HĐND huyện về việc thành lập Đoàn giám sát chuyên đề “*Thực hiện quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội*” theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/03/2021 trên địa bàn huyện Tuần Giáo.

Đoàn giám sát HĐND huyện đã tiến hành giám sát trực tiếp tại Ủy ban nhân dân huyện, Phòng Lao động Thương binh và xã hội, UBND các xã: Pú Nhung, Tỏa Tình, Mường Mùn, Mùn Chung, Quài Nưa, Chiềng Đông và qua khảo sát thực tế tại một số cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan. Đoàn giám sát báo cáo kết quả như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

Huyện có 19 đơn vị hành chính trực thuộc với 177 khối, bản; trên địa bàn huyện có 14 dân tộc cùng chung sống; dân số trên 94 nghìn người, trong đó dân tộc Thái chiếm 59,03%; dân tộc Mông chiếm 25,79%, dân tộc Kháng 3,49%, dân tộc Khơ mú 2,82% còn lại là các dân tộc khác (Kinh, Hoa, Mường, Thổ, Dao, Phù Lá, Tày,...); điều kiện kinh tế - xã hội còn thấp kém (18/19 xã đặc biệt khó khăn); trình độ dân trí không đồng đều, điều kiện sống của nhân dân còn nhiều khó khăn thiếu thốn (thu nhập thấp; điều kiện thụ hưởng chính sách chăm sóc sức khỏe, văn hóa tinh thần còn hạn chế, lối sống, sinh hoạt chậm đổi mới). Tình hình an ninh trật tự còn tiềm ẩn nhiều vấn đề phức tạp như: Tình trạng buôn bán, tàng trữ và tai, tệ nạn xã hội diễn biến phức tạp; số lượng các vụ tảo hôn ly hôn chưa có chiều hướng giảm; thiên tai có những diễn biến khó lường; môi trường sống ô nhiễm, dịch bệnh gia tăng là nguyên nhân không nhỏ dẫn đến tỷ lệ hộ nghèo còn cao (năm 2021 chiếm 33,16%; năm 2022 chiếm 49,73%).

Công tác trợ giúp xã hội bao gồm trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng, trợ giúp xã hội khẩn cấp và chăm sóc nuôi dưỡng tại cộng đồng hằng năm tăng cụ thể: Số đối tượng đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tính đến tháng 12 năm 2021 là 3.606 đối tượng, năm 2022 là 6.417 đối tượng, tăng 2.811 so với năm 2021 (*do đối tượng thuộc hộ nghèo, và hộ cận nghèo tăng*). Trong đó: trẻ em dưới 3 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận 2.171 đối tượng chiếm 33,8% trong tổng số đối tượng hưởng trợ cấp xã hội; đối tượng nhiễm HIV, đơn thân nuôi đang nuôi con thuộc hộ nghèo, hộ cận 597 đối tượng chiếm 9,3% tổng số đối tượng hưởng trợ cấp trợ xã hội.

Trong những năm qua mặc dù trên địa bàn huyện đã chịu tác động tiêu cực từ nhiều yếu tố tự nhiên, xã hội làm ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống nhân dân và tình hình phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, việc triển khai, tổ chức thực hiện chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn huyện luôn được thực hiện kịp thời, đảm bảo theo quy định đã đem lại hiệu quả thiết thực trong việc ổn định đời sống vật chất và tinh thần cho các đối tượng bảo trợ xã hội, góp phần quan trọng đảm bảo an sinh xã hội của huyện.

Số cán bộ, công chức được bố trí giao nhiệm vụ thực hiện chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn huyện được đảm bảo đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đề ra. Tổng số là 20 công chức trong đó: 01 công chức thuộc Phòng LĐ-TB&XH thực hiện công tác bảo trợ xã hội cấp huyện, 19 công chức Văn hóa - Xã hội thuộc các xã, thị trấn trực tiếp tham mưu thực hiện công tác bảo trợ xã hội cấp xã.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRỢ GIÚP XÃ HỘI ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG BẢO TRỢ XÃ HỘI (từ tháng 7 năm 2021 đến tháng 12 năm 2022)

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện

Trong những năm qua UBND huyện đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện nghiêm túc chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước đối với các đối tượng yếu thế trong xã hội đặc biệt là chính sách trợ giúp đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của trung ương, của tỉnh về chính sách trợ giúp xã hội, chính sách hỗ trợ người dân, người lao động gặp sự cố bất khả kháng, UBND huyện đã tổ chức quán triệt và triển khai đầy đủ, kịp thời đến các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện và ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn huyện¹. Tăng cường công tác tuyên truyền, đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực công tác, tăng cường kiến thức, kỹ năng thực hiện nhiệm vụ chăm sóc người khuyết tật và các đối tượng yếu thế.

Chỉ đạo Phòng LĐ-TB&XH tiếp tục chủ trì, phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể, UBND các xã, thị trấn, Trung tâm Văn hóa - Truyền thanh - Truyền hình huyện tuyên truyền triển khai rộng rãi đến địa bàn các khối, bản chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về trợ giúp xã hội với nhiều hình thức khác nhau như: Phát trên loa truyền thanh - Truyền hình huyện, truyền thanh xã; tổ chức các buổi tuyên truyền cho cán bộ lãnh đạo, công chức làm công tác lao động, thương binh và xã hội, lãnh đạo các khối, bản, thành viên hội đồng xác định mức độ khuyết tật, người chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội, triển khai bằng văn

¹ Hướng dẫn số 1731/UBND-LĐTB&XH, ngày 01/10/2021 về việc hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị định số 20/2021/NĐ-CP; Công văn số 2029/UBND-LĐTBXH, ngày 15 tháng 11 năm 2021 về việc rà soát, đề xuất bổ sung đối tượng khó khăn chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/03/2021 của Chính phủ; Công văn số 1312/UBND-LĐTBXH, ngày 15/8/2022 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên.

bản, lồng ghép trong các chương trình tập huấn rà soát hộ nghèo, cận nghèo, kết quả trong giai đoạn giám sát huyện đã mở được 04 lớp tập huấn cho 717 là cán bộ công chức thuộc các cơ quan UBND huyện, UBND các xã, thị trấn, trưởng, khối bản, các đoàn thể Mặt trận tổ quốc và Hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh, đoàn thanh niên các xã, thị trấn.

2. Quy trình xét duyệt, thẩm định công nhận hồ sơ trợ cấp, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc hàng tháng và mai táng phí.

UBND huyện đã chỉ đạo Phòng LĐTB&XH tham mưu ban hành văn bản hướng dẫn UBND các xã, thị trấn thực hiện nghiêm túc chế độ chính sách đối với các đối tượng bảo trợ xã hội. Công tác quản lý các đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng được thực hiện tương đối chặt chẽ, theo đúng quy trình từ khâu rà soát, tiếp nhận hồ sơ, thẩm định và ra quyết định trợ cấp đến việc theo dõi cập nhật các biến động của các đối tượng được hưởng chính sách thông qua việc tiếp nhận hồ sơ của đối tượng trên phần mềm một cửa liên thông và nhận 01 bộ hồ sơ (bản gốc) lưu trữ.

Việc tiếp nhận xét duyệt trợ cấp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo đúng quy định tại Nghị định 20/NĐ-CP. Đối với đối tượng khuyết tật trên địa bàn đủ điều kiện lập hồ sơ đề nghị xét trợ cấp hàng tháng được thực hiện thông qua hoạt động Hội đồng xác định mức độ khuyết tật cấp xã, thị trấn, Hội đồng thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH, ngày 02/01/2019 của Bộ LĐTB&XH, quy định về việc xác định mức độ khuyết tật; được UBND cấp xã kiện toàn bổ sung kịp thời khi hội đồng có thay đổi thành viên. Qua giám sát, khảo sát tại các đơn vị cho thấy, Hội đồng xác định mức độ khuyết tật các xã, thị trấn đã tổ chức họp thống nhất (*có biên bản*) đối với các đối tượng bảo trợ xã hội và xác định dạng tật, mức độ khuyết tật, niêm yết công khai kết quả xét duyệt tại trụ sở UBND xã, thị trấn; không có trường hợp đối tượng bảo trợ xã hội khiếu kiện về kết quả xét duyệt.

Công tác quản lý hồ sơ đã được Phòng LĐ-TB&XH và hầu hết các xã, thị trấn thực hiện chặt chẽ, nghiêm túc thuận tiện cho việc tra cứu, theo dõi các biến động liên quan đến việc đề nghị trợ cấp, điều chỉnh khi đối tượng thay đổi mức hưởng trợ cấp, hết tuổi, hoặc không còn đủ điều kiện hưởng theo quy định, điều chỉnh khi đối tượng thay đổi nơi cư trú,...

3. Công tác quản lý, bố trí kinh phí, thực hiện chi trả hàng tháng; trợ giúp xã hội khẩn cấp

Hàng năm UBND huyện đã giao Phòng LĐ-TB&XH phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu lập dự toán kinh phí từ nguồn ngân sách Nhà nước cấp cho Phòng LĐ-TB&XH quản lý chi thường xuyên và đột xuất cho các đối tượng hưởng trợ cấp trên địa bàn.

Về hình thức chi trả: UBND huyện giao Phòng LĐ-TB&XH ký hợp đồng với Bưu điện huyện để thực hiện chi trả chính sách trợ giúp xã hội hàng tháng (*thời gian chi trả từ ngày 07 - 20 hàng tháng*) cho các đối tượng trên địa bàn và thực hiện đối chiếu kinh phí đã chi trả vào cuối mỗi tháng.

Theo báo cáo của Bưu điện huyện đã tổ chức 19 điểm chi trả trên địa bàn, địa điểm chi trả là Bưu điện huyện và các điểm Bưu điện - văn hóa xã; đến nay đã thực hiện chi trả được 13/19 điểm qua tài khoản Ngân hàng Viettinbank. Tính bình quân trong giai đoạn 2021 - 2022 mỗi tháng ngành Bưu điện thực hiện chi trả hơn 2 tỷ đồng/tháng cho hơn 6.000 đối tượng/tháng (khoảng hơn 300 đối tượng/điểm chi trả/tháng). Bình quân mỗi năm chi trả trên 30 tỷ đồng từ ngân sách nhà nước cấp cho Phòng LĐ-TB&XH. Việc chi trả chế độ bảo trợ xã hội thông qua hệ thống Bưu điện tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra, giám sát, đồng thời đảm bảo công khai, minh bạch và an toàn nguồn tiền chi trả, giảm áp lực công việc cho công chức cấp xã.

4. Kết quả thực hiện chính sách trợ giúp xã hội

4.1. Trợ giúp xã hội thường xuyên, chăm sóc, nuôi dưỡng các đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng

Mức chi trả trợ cấp xã hội thường xuyên cho từng đối tượng thụ hưởng được căn cứ vào mức chuẩn trợ giúp xã hội và hệ số trợ cấp của từng đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định. Mức chuẩn trợ giúp xã hội được áp dụng trên địa bàn huyện được thực hiện theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của HĐND tỉnh về quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ cấp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Điện Biên, kết quả thực hiện cụ thể qua các năm:

- Năm 2021: Từ tháng 7 năm 2021 đến 31/12/2021 chi trả cho 3.606 đối tượng, kinh phí 11.056,140 triệu đồng.

- Năm 2022: Chi trả cho 6.417 đối tượng; kinh phí thực hiện 34.708,500 triệu đồng

(Chi tiết biểu số 1, số 2 kèm theo)

4.2. Hồ sơ thực hiện các chính sách bảo trợ xã hội từ tháng 7 năm 2021 đến tháng 12 năm 2022.

- **Năm 2021:** 3.774 Hồ sơ, trong đó:

- + Trợ cấp xã hội mới: 344 Hồ sơ;
- + Điều chỉnh trợ cấp: 3.313 Hồ sơ;
- + Hỗ trợ kinh phí chăm sóc: 7 Hồ sơ;
- + Thôi hưởng trợ cấp: 92 Hồ sơ;
- + Hỗ trợ chi phí mai táng: 18 Hồ sơ.

- **Năm 2022:** 4.484 Hồ sơ, trong đó:

- + Trợ cấp xã hội mới: 3.337 Hồ sơ;
- + Điều chỉnh trợ cấp: 161 Hồ Sơ
- + Hỗ trợ kinh phí chăm sóc: 160 Hồ sơ;
- + Thôi hưởng trợ cấp: 686 Hồ sơ;

+ Hỗ trợ chi phí mai táng: 140 Hồ sơ.

(Chi tiết biểu số 3 kèm theo)

4.3. Trợ giúp xã hội khẩn cấp

Việc rà soát, xác định đối tượng được thực hiện từ cơ sở đảm bảo công khai, dân chủ, đúng đối tượng, có sự kiểm tra, giám sát và thống nhất của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp và UBND cấp xã. Trên cơ sở đề nghị của các khối, bản về đối tượng bị thiếu đói, thiếu nhu yếu phẩm, các đối tượng yếu thế cần hỗ trợ khẩn cấp Phòng LĐ-TB&XH thẩm định trình Chủ tịch UBND huyện quyết định phân bổ theo các nhóm đối tượng. Sau khi tiếp nhận các khoản trợ giúp xã hội khẩn cấp UBND xã đã chỉ đạo các bản thông báo công khai tới nhân dân và thực hiện cấp phát đầy đủ kịp thời, kết quả cụ thể:

a) Hỗ trợ lương thực

- Tết năm 2021: 1.222 hộ, 5.675 nhân khẩu, tổng số gạo là 85.125kg gạo, tổng kinh phí là: 1.422,63 triệu đồng; năm 2022: 1.237 hộ, 5.665 nhân khẩu, tổng số gạo hỗ trợ là 84.975kg gạo, tổng kinh phí là: 1.264,372 triệu đồng *(Kinh phí huyện)*.

- Giáp hạt hăm 2021: 1.802 hộ, 8.765 nhân khẩu, tổng số gạo 131.457kg gạo, kinh phí vận chuyển bốc xếp 45.589.904 đồng; năm 2022: 1.904 hộ, 9.203 nhân khẩu, tổng số gạo là 138.045kg *(do Chính phủ tài trợ)*, kinh phí vận chuyển bốc xếp 49.038.000 đồng.

b) Hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng

- Năm 2021: Không có đối tượng thụ hưởng

- Năm 2022: số đối tượng: 01; Kinh phí 3.600.000 đồng *(Ba triệu sáu trăm nghìn đồng)*.

c) Hỗ trợ chi phí mai táng

- Năm 2021: Không có đối tượng thụ hưởng

- Năm 2022: Số đối tượng 15 người; kinh phí 270.000.000 *(Hai trăm bảy mươi triệu đồng)*.

d) Đối tượng được hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở

- Năm 2021: Không có đối tượng thụ hưởng

- Năm 2022: Số đối tượng được hỗ trợ làm mới 01 hộ; kinh phí 40.000.000 đồng *(Bốn mươi triệu đồng)*; số đối tượng được hỗ trợ sửa chữa nhà ở 01 hộ; kinh phí 20.000.000 đồng *(Hai mươi triệu đồng)*.

5. Công tác phối hợp thực hiện chính sách

Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo Phòng LĐ-TB&XH thường xuyên phối hợp, xin ý kiến của cơ quan chuyên môn cấp trên như : Sở LĐ-TB&XH, Trung tâm giám định y khoa tỉnh đối với những trường hợp khuyết tật nặng, đặc biệt nặng hoặc chưa có cơ sở rõ ràng để kết luận về mức độ khuyết tật; phối hợp chặt chẽ với UBND các xã, thị trấn trong quá trình thực hiện, quản lý, theo dõi các đối tượng bảo trợ xã

hội, kịp thời giải quyết những vướng mắc phát sinh; phối hợp với Bưu điện huyện thực hiện chi trả kinh phí hỗ trợ kịp thời, đúng đối tượng.

Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn đã chủ động phối hợp với UBMTTQ và tổ chức chính trị - xã hội, trưởng các khối, bản tuyên truyền, phổ biến các chế độ chính sách về bảo trợ xã hội đến hội viên và nhân dân. Định kỳ hàng tháng, công chức văn hóa - xã hội phối hợp với Phòng LĐ-TB&XH huyện cập nhật đối tượng tăng, giảm, đồng thời phối hợp với trưởng các khối, bản thực hiện việc rà soát các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện được hưởng, điều chỉnh, thôi hưởng và hướng dẫn các đối tượng hoàn thiện hồ sơ để trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

6. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn thư và xử lý sai phạm trong thực hiện quy định về chính sách trợ giúp xã hội trong những năm qua.

Ủy ban nhân dân huyện thường xuyên chỉ đạo UBND các xã, thị trấn thực hiện nghiêm chế độ tiếp công dân, cập nhật thông tin, phản ánh, kiến nghị của người dân kịp thời xử lý, giải quyết; chỉ đạo phòng LĐ-TB&XH phối hợp với các cơ quan liên quan tăng cường kiểm tra việc thực hiện các chủ trương chính sách đối với đối tượng bảo trợ xã hội, kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc để khắc phục xử lý; đồng thời hướng dẫn cấp xã rà soát đối tượng, chế độ còn tồn đọng hoàn thiện hồ sơ để thực hiện tăng, giảm theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ, do vậy, trong giai đoạn giám sát trên địa bàn huyện không phát sinh đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Trong những năm qua Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn quán triệt, triển khai nghiêm túc, kịp thời chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; chỉ đạo phòng LĐ-TB&XH đã tích cực tham mưu, ban hành các văn bản để hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, ngày 15/3/2021 của Chính phủ và các văn bản khác có liên quan đến việc thực hiện chính sách trợ giúp xã hội nhằm đưa chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với người dân đảm bảo đầy đủ, kịp thời, đúng quy định, góp phần động viên các đối tượng yếu thế trong xã hội và gia đình vượt qua khó khăn, ổn định cuộc sống.

Trong quá trình triển khai thực hiện chính sách các cơ quan chuyên môn đã làm tốt công tác tuyên truyền để nhân dân nhận thức đúng đắn về, quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách của nhà nước đối với các đối tượng yếu thế; kịp thời, sâu sát trong việc hướng dẫn các đối tượng lập hồ sơ đề nghị được hưởng trợ cấp theo quy định. Thực hiện việc thẩm định, xét duyệt hồ sơ theo đúng quy trình, không để tình trạng hồ sơ tồn đọng. Công tác quản lý đối tượng thụ hưởng từng bước được đổi mới các thông tin, dữ liệu đã được cập nhật trên hệ thống phần mềm và bảng tính Excel thuận tiện cho việc theo dõi chi trả chế độ hàng tháng và các biến động về số lượng đối tượng thụ hưởng, mức chi trả, thời gian thụ hưởng.

Việc lập dự toán và quản lý kinh phí chi trả chế độ cho các đối tượng được thực hiện đảm bảo chặt chẽ, kịp thời; công tác chi trả trợ cấp xã hội qua hệ thống Bưu điện văn hóa xã cơ bản ổn định, thuận lợi cho người dân và từng bước đi vào nề nếp; sự phối hợp giữa các cơ quan tương đối kịp thời, đồng bộ; chế độ thông tin, báo cáo được thực hiện thường xuyên, đúng tiến độ; các kiến nghị, vướng mắc trong thực hiện chế độ chính sách được các cơ quan, đơn vị quan tâm giải quyết kịp thời, chặt chẽ không để phát sinh đơn thư khiếu nại, tố cáo.

2. Tồn tại, hạn chế

- Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách về bảo trợ xã hội ở một số xã chưa sâu sát, hiệu quả chủ yếu là lồng ghép với các hội nghị, cuộc họp ở các khối, bản chưa được cụ thể bằng các văn bản của xã đến các khối, bản vì vậy một bộ phận nhân dân chưa nhận thức đầy đủ về quyền lợi và trách nhiệm của mình.

- Bố trí cán bộ công chức phụ trách công tác chính sách trợ giúp xã hội tại một số xã không ổn định; một bộ phận cán bộ, công chức năng lực, trách nhiệm trong công tác còn hạn chế; việc phối hợp thực hiện các chế độ chính sách của cấp xã với các cơ quan liên quan có lúc, có việc chưa chặt chẽ, kịp thời.

- Công tác tiếp nhận, xét duyệt cho các đối tượng tại một số xã còn chưa thường xuyên, sót đối tượng, hoặc chưa điều chỉnh bổ sung chưa kịp thời. Việc cập nhật thay đổi thông tin về đối tượng (*chết, thay đổi nơi cư trú, điều chỉnh mức trợ cấp, thôi hưởng,...*) tại một số địa phương còn chậm.

- Công tác quản lý, theo dõi hồ sơ tại một số xã xã chưa được quan tâm, lưu trữ sắp xếp hồ sơ chưa đầy đủ, khoa học; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, theo dõi đối tượng thụ hưởng và chính sách chi trả còn nhiều hạn chế.

- Việc kiểm tra, giám sát của cơ quan chuyên môn, UBND các xã về công tác bảo trợ xã hội hằng năm chưa thường xuyên, sâu sát. Chưa kịp thời phát hiện chấn chỉnh những thiếu sót, khuyết điểm trong hoạt động của hội đồng xác định mức độ khuyết tật, xử lý những vấn đề phát sinh trong chi trả chế độ.

- Hội đồng xác định mức độ khuyết tật cấp xã còn gặp nhiều khó khăn lúng túng trong việc xác định dạng tật và mức độ khuyết tật như: việc chấm điểm xác định mức độ khuyết tật cho các đối tượng dạng khuyết tật khác.

- Việc chi trả chính sách trợ giúp xã hội thông qua dịch vụ Bưu điện huyện và thông qua tài khoản ngân hàng Vietinbank còn gặp nhiều khó khăn. Một số điểm chi trả chưa đảm bảo cơ sở vật chất cho các đối tượng khi đến nhận kinh phí hỗ trợ. Giải quyết thủ tục hành chính trên hệ thống một cửa điện tử đôi khi bị chậm, do công chức cấp xã chậm xử lý hồ sơ, thực tế hồ sơ đã được trả đúng hạn cho người dân.

- Mức chuẩn trợ cấp xã hội đã được điều chỉnh tăng thêm, tuy nhiên, vẫn còn thấp so với nhu cầu cần hỗ trợ của đối tượng bảo trợ xã hội, đặc biệt là những người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng.

3. Nguyên nhân

- Nhận thức về ý nghĩa của chính sách trợ giúp đối với các đối tượng bảo trợ xã hội của một số cơ quan đơn vị chưa thật sự đầy đủ; một số công chức phụ trách lĩnh vực này chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác, kiêm nhiệm nhiều việc, thường xuyên biến động.

- Khối lượng công việc trong lĩnh vực trợ giúp xã hội tương đối lớn, các đối tượng bảo trợ xã hội ngày càng được mở rộng và thương xuyên có sự biến động; các chính sách, văn bản cần triển khai trong lĩnh vực trợ giúp xã hội nhiều.

- Trình độ nhận thức, điều kiện hoàn cảnh của một bộ phận nhân dân còn nhiều hạn chế, khó khăn; không ít đối tượng có tư tưởng trông chờ ỷ lại vào các chính sách của nhà nước và sự hỗ trợ của cơ quan chính quyền địa phương; việc cung cấp thông tin phục vụ cho việc lập hồ sơ xét duyệt chế độ thiếu chính xác, kịp thời. Công tác thẩm định đánh giá đối tượng mức độ khuyết tật hết sức phức tạp xong đội ngũ cán bộ trong hội đồng thẩm định không có kiến thức chuyên sâu.

- Điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ bưu điện văn hóa xã chưa đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ (nhiều xã chưa có điểm bưu điện văn hóa xã, cán bộ hoạt động không ổn định); hệ thống phần mềm về quản lý chính sách trợ giúp cho đối tượng bảo trợ xã hội chưa khả dụng.

IV. ĐỀ NGHỊ CỦA ĐOÀN GIÁM SÁT ĐỐI VỚI UBND HUYỆN

1. Tiếp tục tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; tăng cường công tác phối hợp giữa UBMTTQ với tổ chức chính trị - xã hội, các ngành trong kiểm tra, giám sát, triển khai, thực hiện chế độ chính sách bảo trợ xã hội. Quan tâm bổ sung kinh phí thực hiện kịp thời để các xã thực hiện chi trả kịp thời cho các đối tượng.

2. Chỉ đạo Phòng LĐ-TB&XH nâng cao hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về trợ giúp xã hội đến người dân trên địa bàn bằng nhiều hình thức, phù hợp với từng đối tượng; tiếp tục tham mưu thực hiện có hiệu quả chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn, đảm bảo đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện được nhận trợ cấp xã hội hàng tháng; các đối tượng gặp khó khăn đột xuất được trợ giúp kịp thời và phù hợp thời điểm hỗ trợ.

3. Bố trí đội ngũ cán bộ công chức cấp xã thực hiện công tác bảo trợ xã hội ổn định, thuận lợi trong công tác, nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ.

4. Tiếp tục chỉ đạo các xã, thị trấn quan tâm thực hiện đảm bảo quy trình tiếp nhận, xét duyệt, lưu trữ hồ sơ đầy đủ, khoa học; kịp thời rà soát, điều chỉnh bổ sung đối tượng thụ hưởng, truy thu kinh phí chi trả không đảm bảo quy định về ngân sách nhà nước.

5. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá công tác tổ chức thực hiện các chính sách an sinh xã hội để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc từ cơ sở; tạo điều kiện thuận lợi nhất để UB MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội tham gia giám

sát việc thực hiện của các đơn vị, địa phương không để xảy ra hiện tượng tiêu cực, thất thoát lãng phí trong quản lý và thực hiện các chính sách bảo trợ xã hội.

6. Đối với việc chi trả kinh phí trợ cấp cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo hình thức không dùng tiền mặt như hiện nay, cần quan tâm xem xét cho phù hợp với từng đối tượng, địa phương. Quan tâm chi trả tại nhà đối với người cao tuổi, sức khỏe yếu, người khuyết tật, trẻ mồ côi nếu không có người nhận thay.

7. Chú trọng công tác đào tạo bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng giao tiếp, quy trình quản lý đối tượng, quản lý kinh phí; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống để công tác, quản lý kinh phí, thanh quyết toán được thực hiện kịp thời, đúng quy định.

Trên đây là Báo cáo kết quả giám sát việc thực hiện quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện Tuần Giáo giai đoạn 2021, 2022 của Đoàn Giám sát HĐND huyện./.

Nơi nhận:

- TT HĐND huyện;
- ĐGS HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Lưu: VT, PLĐTBXH.

**TM.ĐOÀN GIÁM SÁT
KT.TRƯỞNG ĐOÀN
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN**

Trần Bình Trọng